

Số: 489/QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ các Quyết định: (i) Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (ii) Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Giáo dục trung học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (iii) Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (iv) Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thi, tuyển sinh thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; (v) Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO - Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Giáo dục và Đào tạo (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Các phòng thuộc Sở có thủ tục hành chính được áp dụng theo quyết định này bao gồm:

Phòng Tổ chức cán bộ: 51 thủ tục hành chính; Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục: 14 thủ tục hành chính; Phòng Giáo dục trung học và Giáo dục thường xuyên: 11 thủ tục hành chính; Phòng Kế hoạch tài chính: 05 thủ tục hành chính và Phòng Giáo dục tiểu học và Giáo dục mầm non: 01 thủ tục hành chính, cùng toàn thể công chức trong cơ quan có trách nhiệm tìm hiểu và thi hành theo đúng quy định của Hệ thống tài liệu, tiến hành đưa hệ thống văn bản theo TCVN ISO 9001:2015 vào áp dụng trong các hoạt động thực tế.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO, Tổ thư ký, các phòng: Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, Phòng Giáo dục trung học và Giáo dục thường xuyên, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Giáo dục tiểu học và Giáo dục mầm non và các phòng có liên quan cùng toàn thể công chức trong cơ quan Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 323/QĐ-SGDĐT ngày 28/4/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (để biết);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Website;
- Lưu: VT, TK ISO.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Hóa

DANH MỤC TÀI LIỆU
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2015 TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
(Kèm theo quyết định số 118/QĐ-SGDĐT ngày 07/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9010:2015)

STT	Tên tài liệu	Mã số	Ghi chú
A	MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG		
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng - Chính sách chất lượng - Mục tiêu chất lượng - Tổng hợp phân tích bối cảnh và quản trị rủi ro	- CSCL - MTCL - PTQTRR	
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02	
4	Hướng dẫn Đánh giá nội bộ	HD.03	
5	Hướng dẫn Kiểm soát Sự không phù hợp và Hành động khắc phục	HD.04	
B	CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ		
I	LĨNH VỰC: LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (10 THPT)		
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	Phòng TCCB	
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Phòng TCCB	
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	Phòng TCCB	
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông	Phòng TCCB	
5	Giải thể trường trung học phổ thông	Phòng TCCB	
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	Phòng GDTrH&GDTX	
7	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Phòng GDTrH&GDTX	
8	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông <i>Theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21/4/2022</i>	Phòng GDTrH&GDTX	
9	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước <i>Theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21/4/2022</i>	Phòng GDTrH&GDTX	



[Handwritten signature]

10	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài <i>Theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21/4/2022</i>	Phòng GDTrH&GDTX
II	LĨNH VỰC: GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (08 TTHC)	
1	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	Phòng TCCB
2	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm	Phòng TCCB
3	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	Phòng TCCB
4	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Phòng TCCB
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Phòng TCCB
6	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Phòng TCCB
7	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	Phòng TCCB
8	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	Phòng TCCB
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC DÂN TỘC (04 TTHC)	
1	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	Phòng TCCB
2	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Phòng TCCB
3	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	Phòng TCCB
4	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Phòng TCCB
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (04 TTHC)	
1	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh	Phòng TCCB
2	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	Phòng TCCB
3	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên	Phòng TCCB
4	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Phòng TCCB

X.H.
S
:A
Đ
KIẾ

V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (20 TTHC)	
1	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	Phòng TCCB
2	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Phòng TCCB
3	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Phòng TCCB
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Phòng TCCB
5	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Phòng TCCB
6	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	Phòng TCCB
7	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Phòng TCCB
8	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Phòng GDTrH&GDTX
9	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Phòng GDTrH&GDTX
10	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Phòng TCCB
11	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	Phòng TCCB
12	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Phòng TCCB
13	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Phòng TCCB
14	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại	Phòng TCCB
15	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Phòng TCCB
16	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Phòng GDTrH&GDTX
17	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Phòng GDTrH&GDTX
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du	Phòng TCCB

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18

	học	
19	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Phòng TCCB
20	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Phòng TCCB
VI	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (04 TTHC)	
1	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng Khảo thí và QLCLGD
2	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng Khảo thí và QLCLGD
3	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng Khảo thí và QLCLGD
4	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Phòng Khảo thí và QLCLGD
VII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (11 TTHC)	
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Phòng Khảo thí và QLCLGD
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Phòng Khảo thí và QLCLGD
3	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Phòng Khảo thí và QLCLGD
4	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	Phòng TCCB
5	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Phòng GDTH&GDMN
6	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Phòng GDTrH&GDTX
7	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Phòng KHTC
8	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học <i>Theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 06/4/2023</i>	Phòng KHTC
9	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số <i>Theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 06/4/2023</i>	Phòng KHTC
10	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh <i>Theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 06/4/2023</i>	Phòng KHTC
11	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân	Phòng KHTC

	tộc thiểu số rất ít người <i>Theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 06/4/2023</i>	
VIII	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI (12 TTHC)	
1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài	Phòng TCCB
2	Phê duyệt liên kết giáo dục	Phòng TCCB
3	Gia hạn, điều chỉnh liên kết giáo dục	Phòng TCCB
4	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Phòng TCCB
5	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
6	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
7	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Phòng TCCB
8	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Phòng TCCB
9	Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
10	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
11	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
12	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Phòng TCCB
IX	LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH (06 TTHC)	
1	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Phòng Khảo thí và QLCLGD



[Handwritten signature]

2	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú <i>Theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 11/4/2023</i>	Phòng GDTrH&GDTX
3	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Phòng Khảo thí và QLCLGD
4	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông <i>Theo Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 16/5/2023</i>	Phòng Khảo thí và QLCLGD
5	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Phòng Khảo thí và QLCLGD
6	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Phòng TCCB
X	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (03 TTHC)	
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Phòng Khảo thí và QLCLGD
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Phòng Khảo thí và QLCLGD
3	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Phòng Khảo thí và QLCLGD

Trong đó:

Lĩnh vực 1: 10 TTHC; Lĩnh vực 2: 08 TTHC; Lĩnh vực 3: 04 TTHC; Lĩnh vực 4: 04 TTHC;
Lĩnh vực 5: 20 TTHC; Lĩnh vực 6: 04 TTHC; Lĩnh vực 7: 11 TTHC; Lĩnh vực 8: 12 TTHC;
Lĩnh vực 9: 06 TTHC; Lĩnh vực 10: 03 TTHC.

Các Phòng thuộc Sở phụ trách TTHC: Phòng TCCB: **51 TTHC**; Phòng Khảo thí và QLCLGD: **14 TTHC**; Phòng GDTrH&GDTX: **11 TTHC**; Phòng KHTC: **05 TTHC**, Phòng GDTH&GDMN: **01 TTHC**.



[Handwritten signature]
